

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

*Huỳnh Xuân Hiệp**

TÓM TẮT

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2014 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa được giải quyết dứt điểm. Nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều gam màu tối đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Trước tình hình này, Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm thông qua nghị quyết 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 (Nghị quyết 01) về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2014. Ngoài việc phân tích thực trạng nền kinh tế và chính sách tài khóa tại Việt Nam để từ đó đưa ra các kiến nghị, đề tài đã cố gắng trả lời câu hỏi về tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế. Đề tài xem xét tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế thông qua ước lượng mô hình bội chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên kết quả vẫn không tìm ra bằng chứng thực nghiệm nào.

Từ khóa: tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách

FISCAL POLICY AND ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM IN RECENT YEARS

ABSTRACT

In 2014, Vietnamese Social and Economy is still affected by the instability of the world economy because the world financial crisis and the public debt of European Countries have not been resolved definitively. The economy still has many dark sides and it affected the production and business activities of residents and companies in Viet Nam. In order to solve problem, Vietnamese Government continued to implement tighten fiscal policy, radical saving policy through resolution No 01/NQ-CP date 02/01/2014 (resolution 01). The resolution gives out tasks, main solutions, implementations of economic development plans and estimation of national budget in 2014. In addition to the analysis of economic policy and fiscal policy in Viet Nam in order to give recommendation, the paper tried to answer questions about the impact of fiscal policy to economic growth. This activity is considered by estimating national budget deficit and economic growth models. However, the result did not find any empirical evidence.

Keywords: economic growth, fiscal policy, national budget, budget deficit.

* Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM

Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật

1. GIỚI THIỆU

Mục tiêu tổng quát hàng đầu của nền kinh tế Việt Nam năm 2014 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí, cải thiện môi trường kinh doanh. Bảo đảm quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Một vấn đề đặt ra là liệu chính sách tài khóa sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chính sách tài khóa được Chính phủ thực hiện thông qua công cụ thuế và chi tiêu công. Do đó, ảnh hưởng của thuế và chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế cho thấy tác động của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế. Có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới đã được thực hiện để trả lời câu hỏi này. Theo mô hình tăng trưởng tân cổ điển của Solow (1956) và Swan (1956), câu trả lời chủ yếu là “không”. Trong các mô hình này, thuế và chi tiêu ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm hoặc ưu đãi đầu tư vào vốn vật chất hay vốn con người, cuối cùng ảnh hưởng đến tỷ lệ cân bằng chứ không phải là tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu theo mô hình tăng trưởng nội sinh cho rằng đầu tư vào vốn con người và vốn vật chất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng ổn định, và do đó thuế và chi tiêu công có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Kể từ những đóng góp tiên phong của

Barro (1990), King và Rebelo (1990), Lucas (1990), một số bài nghiên cứu đã mở rộng việc phân tích thuế, chi tiêu công và tăng trưởng, chứng minh các biến số tài khóa có thể ảnh hưởng tốc độ tăng trưởng dài hạn trong các điều kiện khác nhau (ví dụ: Jones và cộng sự, 1993; Stokey và Rebelo, 1995; Mendoza và cộng sự, 1997.).

Lý thuyết là khá rõ ràng, tuy nhiên, có rất ít hoặc chưa tìm thấy bằng chứng thực nghiệm về tác động của thuế và chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế. Theo Stokey và Rebelo (1995), “những ước tính gần đây về tăng trưởng tiềm tàng từ tác động của việc cải cách thuế rất khác nhau, dao động từ không đến tám điểm phần trăm”. Do đó để điều hành chính sách tài khóa có hiệu quả, rất cần thiết có một nghiên cứu thực nghiệm về tác động của chính sách tài khóa đến sự tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Chính sách tài khóa là một công cụ của chính sách kinh tế vĩ mô được Chính phủ sử dụng để huy động, phân phối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Hai công cụ của chính sách tài khóa là hệ thống thuế và chi tiêu công của chính phủ.

Chính sách tài khóa liên quan đến tác động tổng thể của ngân sách đối với hoạt động kinh tế. Có các loại chính sách tài khóa điển hình là trung lập, mở rộng, và thu gọn.

– Chính sách trung lập

Là chính sách cân bằng ngân sách khi đó $G = T$ (G : chi tiêu công của chính phủ, T : thu nhập từ thuế). Chi tiêu công của chính phủ hoàn toàn được cung cấp do nguồn thu từ thuế

và nhìn chung kết quả có ảnh hưởng trung tính đến các hoạt động kinh tế.

– Chính sách mở rộng

Là chính sách tăng cường chi tiêu công của chính phủ ($G > T$) thông qua chi tiêu công của chính phủ tăng cường hoặc giảm bớt nguồn thu từ thuế hoặc kết hợp cả hai. Việc này sẽ dẫn đến thâm hụt ngân sách nặng nề hơn hoặc thặng dư ngân sách ít hơn nếu trước đó có ngân sách cân bằng.

– Chính sách thu hẹp

Là chính sách trong đó chi tiêu công của chính phủ ít đi thông qua việc tăng thu từ thuế hoặc giảm chi tiêu công hoặc kết hợp cả hai. Việc này sẽ dẫn đến thâm hụt ngân sách ít đi hoặc thặng dư ngân sách lớn hơn so với trước đó, hoặc thặng dư nếu trước đó có ngân sách cân bằng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài phân tích tốc độ tăng trưởng kinh tế và chính sách tài khóa của Việt Nam trong những năm vừa qua.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được tính toán thông qua tốc độ tăng trưởng GDP. Chính sách tài khóa được thể hiện thông qua thuế T và chi tiêu công G. Số liệu thứ cấp được thu thập từ tổng cục thống kê từ năm 2005 đến năm 2013.

Để nghiên cứu tác động của chính sách tài khóa đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, đề tài thực hiện hồi quy OLS với biến phụ thuộc là tốc độ tăng trưởng kinh tế và biến độc lập là bội chi ngân sách nhà nước.

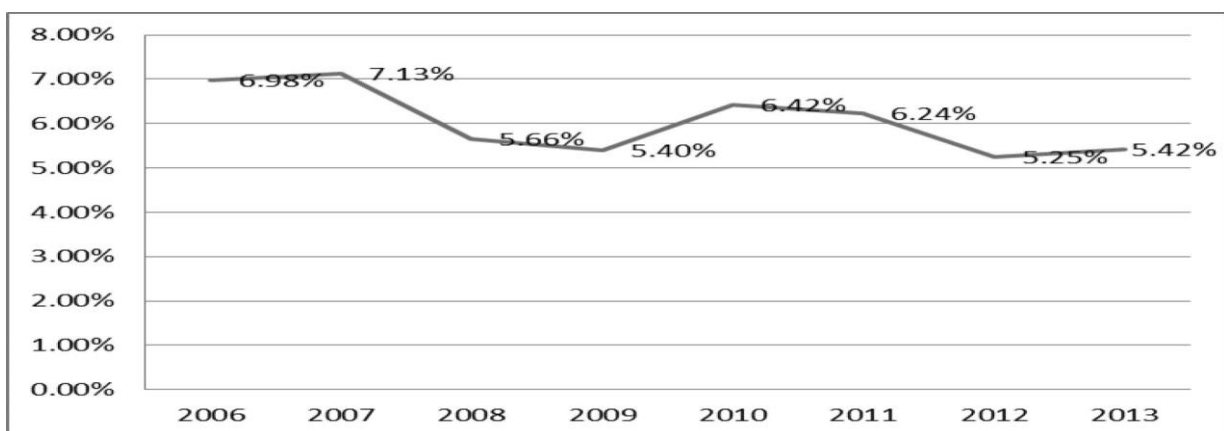
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng nền kinh tế và chính sách tài khóa của Việt Nam

3.1.1. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam Với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, Việt Nam đã duy trì tăng trưởng ở tốc độ 6,24% năm 2011, 5,25% năm 2012, và ở mức 5,42% năm 2013. Dù tốc độ tăng trưởng trong ba năm này thấp hơn mức trung bình trong cả thập kỷ trước, nhưng đây được coi là thành công bởi những áp lực bất lợi từ khủng hoảng kinh tế thế giới là rất lớn.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP được tính theo giá so sánh năm 2010)

Đơn vị tính: %



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tốc độ tăng trưởng này được nhìn nhận một phần là do tác động của chính sách tài khóa mở rộng thông qua các gói kích cầu và chính sách tiền tệ mở rộng. Thực tế cho thấy,

khi các gói kích cầu tài khóa đã dừng lại vào năm 2010 thì chính sách tiền tệ mở rộng tiếp tục được duy trì là nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy đạt được những thành quả

Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật

đáng kể nhưng đến nay Việt Nam liên tục phải đương đầu với những bất ổn kinh tế do sự kéo dài và thiếu nhất quán của các chính sách vĩ mô. Hậu quả đã gây ra những tác động tiêu cực cho nền kinh tế như lạm phát, thiếu thanh khoản, nợ công tăng nhanh, trong đó nợ nước ngoài tăng đáng kể, thâm hụt ngân sách cao và tình trạng nhập siêu kéo dài.

3.1.2. Chính sách tài khóa của Việt Nam Trong giai đoạn trước 2011, chính sách tài khóa (CSTK) được mở rộng đáng kể, thể hiện ở việc tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2006-2010 cao gấp 2,3 lần so với giai đoạn 2001-2005. Việc thực thi CSTK mở rộng, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, đã tác động tích cực tới duy trì tốc độ tăng trưởng và giúp Việt Nam sớm thoát khỏi suy thoái.

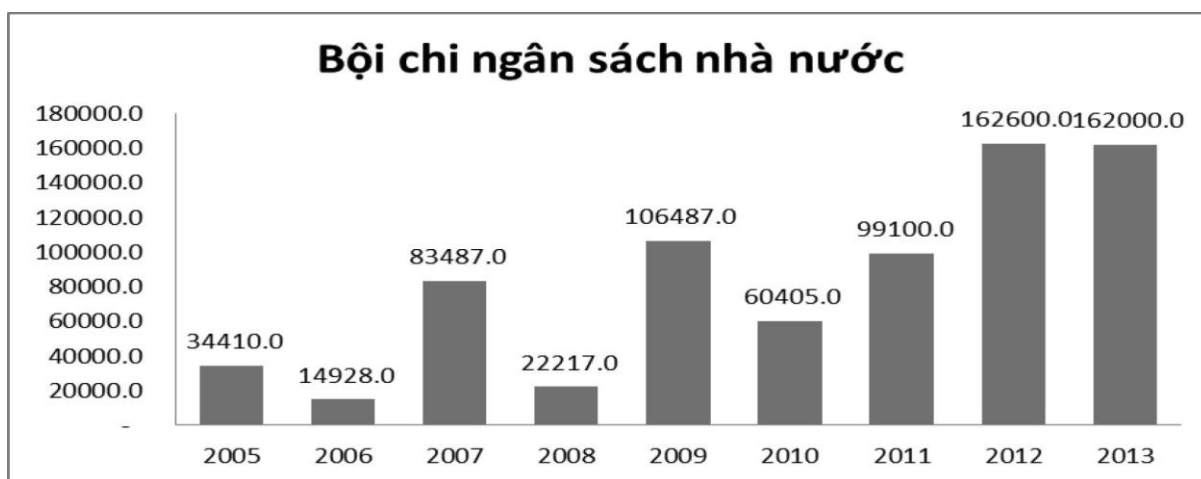
Tuy nhiên, việc mở rộng CSTK nhanh cũng góp phần khiến lạm phát tăng cao trở lại và làm bội chi ngân sách, nợ công tăng nhanh.

Từ sau năm 2011, các giải pháp và các quyết sách của Chính phủ tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội đã được thực hiện đồng bộ, kịp thời và quyết liệt. Thu nội địa năm 2011 đạt 425.000 tỷ đồng, vượt 11,3% so với dự toán, tăng 19,9% so với thực hiện năm 2010, đến năm 2013 con số này là 545.500 tỷ đồng, tăng 28,35% so với năm 2011. Tất cả các mục thu đều thực hiện vượt dự toán.

Bội chi NSNN đã tăng từ mức trung bình là 4,0% GDP giai đoạn 1996-2000 lên 4,9% GDP giai đoạn 2001-2005, giai đoạn 2006-2010 là 5,5% GDP, và giai đoạn 2011-2013 là 5,81% GDP. Năm 2011, bội chi NSNN ở mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2013 nhưng đã là một con số đáng kể, do đó phải có biện pháp cắt giảm hơn nữa trong những năm tiếp theo để đảm bảo sự bền vững tài khóa trong trung và dài hạn.

Bội chi ngân sách ở Việt Nam giai đoạn 2005 – 2013

Đơn vị tính: tỷ đồng



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

3.2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm tác động của chính sách tài khóa đối với tăng trưởng kinh tế.

Dựa trên các nghiên cứu đã được tiến hành trên thế giới. Để xác định ảnh hưởng

của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại thị trường Việt nam, tác giả sử dụng hồi quy đơn theo phương pháp OLS với biến phụ thuộc là tốc độ tăng trưởng kinh tế, biến độc lập là bội chi ngân sách nhà nước. Mô hình

nghiên cứu như sau:

$$y = \beta_0 + \beta_1 \times \ln(BC) + \varepsilon_i$$

Trong đó:

y là tốc độ tăng trưởng kinh tế

BC là bội chi ngân sách nhà nước Thu thập dữ liệu.

Dữ liệu về Tổng sản phẩm quốc nội tính theo giá so sánh với năm 2010 được thu thập từ tổng cục thống kê.

Việc tính toán tốc độ tăng trưởng kinh tế dựa trên tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) qua các năm.

$$y = \frac{GDP_{t+1} - GDP_t}{GDP_t} \times 100\%$$

Trong đó:

y là tốc độ tăng trưởng kinh tế

GDP_{t+1} là GDP năm (t+1) tính theo giá so sánh năm 2010

GDP_t là GDP năm t tính theo giá so sánh năm 2010

Dữ liệu về thu chi NSNN được thu thập từ tổng cục thống kê và công thông tin điện tử chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bội chi NSNN được tính toán thông qua công thức sau:

$$BC = \text{Tổng chi} - \text{Tổng thu}$$

Trong đó: BC là bội chi ngân sách nhà nước.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm.

Bảng kết quả hồi quy mô hình

	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	Thống kê t	Sig.
Hệ số	Sai số chuẩn				
Hằng số	.107	.033		3.225	.018
LN(BC)	-.004	.003	-.495	-1.396	.212

(Nguồn: Tính toán của tác giả bằng phần mềm SPSS 16.0)

Kiểm định hệ số hồi quy.

Hệ số hồi quy của biến độc lập ln(BC) có Sig. = 0,212 > mức ý nghĩa 5% nên không có ý nghĩa thống kê hay biến độc lập ln(BC) không có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc y là tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hay nói cách khác với dữ liệu thu thập được trên thị trường Việt Nam, chưa đủ cơ sở để kết luận CSTK có tác động đến tăng trưởng kinh tế.

Bảng mức độ giải thích của mô hình.

Model	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	.495 _a	.245	.119	.0069272

(Nguồn: Tính toán của tác giả bằng phần mềm SPSS 16.0)

Hệ số R₂ = 24,5% rất thấp, cho thấy biến độc lập ln(BC) chỉ giải thích được 24,5% sự biến thiên của tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Như vậy 1 - R₂ = 75,5% mức độ biến thiên của tốc độ tăng trưởng kinh tế được giải thích bởi các yếu tố ngoài mô hình. Hay nói cách

khác tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác chứ không phải từ CSTK.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên thị trường Việt Nam trong giai đoạn từ 2005 - 2013 cho thấy, CSTK biểu hiện thông qua bội chi NSNN không tác động đến tăng trưởng

Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật

kinh tế. Điều này có thể lý giải bằng kiến thức kinh tế vĩ mô, tác động của thuế và chi tiêu ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm hoặc ưu đãi đầu tư vào vốn vật chất hay vốn con người, cuối cùng ảnh hưởng đến cân bằng sản lượng của nền kinh tế chứ không phải là tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Điều này cũng phù hợp với kết luận mà các nhà nghiên cứu Solow (1956) và Swan (1956) thu được khi nghiên cứu về CSTK và tăng trưởng kinh tế.

4. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

4.1. Kiến nghị về chính sách tài khóa tại Việt Nam

Phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ (CSTT)

Một là, giữa Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà Nước cần phải cung cấp, trao đổi thông tin thường xuyên trong việc xây dựng, hoạch định và thực thi CSTK, CSTT trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

Hai là, CSTK và CSTT cần có sự gắn kết chặt chẽ hơn để góp phần thực hiện cùng một lúc hai mục tiêu kiềm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế, đồng thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh để ngăn chặn kịp thời tình trạng số lượng doanh nghiệp phá sản ngày càng tăng. Trong dài hạn, CSTK phải sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế-xã hội, CSTT cần kiên trì theo đuổi mục tiêu kiềm soát lạm phát.

Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm trong năm 2014

Bằng cách thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết 01/NQ-CP của chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2014. Trong đó, nêu rõ trong năm 2014 tiếp tục thực hiện CSTK chặt chẽ, triệt để tiết kiệm. Bội chi NSNN không quá 5,3%

GDP, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính.

Kiểm soát ngân sách nhà nước

Thiết lập cơ chế thu ngân sách nhà nước ổn định. Tăng cường chỉ đạo công tác thu, quản lý NSNN, chống thất thu, gian lận thuế, giảm các khoản nợ đọng thuế. Thực hiện thu đầy đủ, kịp thời các khoản thu năm 2010, 2011, 2012 được gia hạn sang năm 2013. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách thuế và thu ngân sách mới như luật quản lý thuế, luật sửa đổi và bổ sung luật thuế thu nhập cá nhân.

Quản lý chi Ngân sách Nhà Nước hiệu quả.

Tăng cường quản lý chi NSNN theo hướng tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở thực hiện rà soát lại các khoản chi NSNN và trong từng khoản chi cần rà soát lại các nội dung chi để xác định đúng thứ tự ưu tiên chi NSNN. Ưu tiên chi an sinh xã hội; bố trí chi đầu tư phát triển gắn với tái cơ cấu đầu tư công, bố trí kinh phí cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá, môi trường, kiên quyết cắt, giảm, hoãn, lùi thời gian chi đối với các khoản chi chưa thực sự cần thiết.

Cần có cơ chế giám sát đầu tư công.

Chi tiêu cho đầu tư công cần được tiếp tục cắt giảm mạnh và có chọn lọc. Cắt giảm đầu tư công sẽ giúp giảm nợ công và tiến tới giảm bội chi ngân sách. Các dự án đầu tư công cần cắt giảm và có bước cải cách mạnh mẽ trong khâu thẩm định, ra quyết định đầu tư, hết sức tránh đầu tư tràn lan và kéo dài thời gian thi công xây dựng..

Tiếp tục rà soát lại hệ thống chính sách thuế và thu ngân sách sửa đổi. Cần bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế theo hướng tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ cho thị trường. Định hướng chính sách thuế và thu NSNN nên theo hướng giảm thuế suất, mở rộng đối tượng chịu thuế, tăng thuế

suất thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu và các mặt hàng có khả năng sản xuất trong nước, tăng thuế suất đối với thuế xuất khẩu các sản phẩm từ khai thác tài nguyên.

4.2. Kết luận

CSTK là công cụ đắc lực trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Tuy nhiên lựa chọn thực hiện CSTK nào lại là một vấn đề rất khó khăn đòi hỏi Chính phủ phải cân nhắc trên nhiều khía cạnh để thực hiện tốt nhất các chức năng và nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Nghiên cứu đã tóm tắt được các vấn đề tổng quan về CSTK cũng như phân tích thực trạng nền kinh tế và CSTK của Việt Nam trong những năm vừa qua, thông qua đó đưa ra các đánh giá và các kiến nghị.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn chưa tìm thấy bằng chứng thực nghiệm về vấn đề tác động của CSTK đến tăng trưởng kinh tế trên thị trường Việt Nam. Do đó, cần một nghiên cứu thực nghiệm sâu hơn, được đầu tư tài chính và thời gian nghiên cứu đủ dài để có thể đưa ra được câu trả lời chính xác cho vấn đề liệu có hay không ảnh hưởng của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Barro, R., 1990. Government spending in a simple model of endogenous growth. *Journal of Political Economy* 98 (1), s103–117.
- [2]. King, R., Rebelo, S., 1990. Public policy and economic growth: Developing neoclassical implications. *Journal of Political Economy* 98 (1), s126–151.
- [3]. Solow, R.M., 1956. A contribution to the theory of economic growth. *Quarterly Journal of Economics* 71 (1), 65–94.
- [4]. Swan, T.W., 1956. Economic growth and capital accumulation. *Economic Record* 32(3),334–361.
- [5]. <http://www.chinhphu.vn/>
- [6]. <http://www.gso.gov.vn/>

